TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2024/DS-ST
Ngày 25 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 374/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Anh Lê Quốc S; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Hà Bạch M1; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị M trình bày: Ngày 14/02/2019, anh S và chị M1 có mượn chị số tiền 130.000.000đ và 12 chỉ vàng 24k, khi mượn có làm biên nhận và có hứa khi nào cần thì cho hay trước dài tháng. Chị có yêu cầu anh S và chị M1 trả nhiều lần nhưng không trả. Nay chị yêu cầu anh S và chị M1 trả số tiền 130.000.000đ và 12 chỉ vàng 24k.

Đối với anh Lê Quốc S, chị Hà Bạch M1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu anh Lê Quốc S, chị Hà Bạch M1 trả tiền là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh S, chị M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, anh S, chị M1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự giao dịch vay tiền, vàng với nhau bằng hình thức nhận giao, nhận trực tiếp, có làm biên nhận và ký tên.

Xét nội dung biên nhận ngày 14/02/2019, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nội dung biên nhận thể hiện chị M1 có nợ chị M số tiền 130.000.000đ và 12 chỉ vàng 24k, có chữ ký và ghi họ tên của chị M1. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị M là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh S, chị M1 có biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng anh, chị không có ý kiến, không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, khi chị M1 nợ khoản tiền, vàng của chị M thì chị M1 và anh S đang chung sống cuộc sống vợ chồng và hiện nay anh chị vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, khoản nợ tiền, vàng của chị M là khoản nợ chung của chị M1 với anh S được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy, anh S và chị M1 phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị M là phù hợp.

[5] Xét về án phí dân sự: Anh S và chị M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; khoản 4 Điều 91 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. Buộc anh Lê Quốc S và chị Hà Bạch M1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị M số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) và 12 (mười hai) chỉ vàng 24k.

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị M 5.616.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001307 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Anh Lê Quốc S và chị Hà Bạch M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.066.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh